

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
THIÊN VIỆT/THIEN VIET ASSET
MANAGEMENT
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN
VIỆT 3/THIEN VIET GROWTH FUND 3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 1408/2026-TVGF3.BCTKHĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026
Ho Chi Minh City, 14th August 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên Công ty Quản lý quỹ/Name of Fund management company:

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt/Thien Viet Asset Management JSC (TVAM)

- Tên Quỹ đóng/Fund name: **Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3/Thien Viet Growth Fund 3**
- Mã chứng khoán/Securities code: **FUCTVGF3**
- Địa chỉ trụ sở chính/Address: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP.HCM
Head office: 9th Floor, Bitexco Nam Long Building, 63A Vo Van Tan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City.
- Điện thoại/Telephone: 028 6299 2090 Fax: 028 6299 2103

2. Nội dung thông tin công bố/Content of Information disclosure:

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên năm 2026.

The Semi-annual Fund Operational Report for 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt vào ngày 14/08/2026 tại đường dẫn: <http://tvam.vn/>

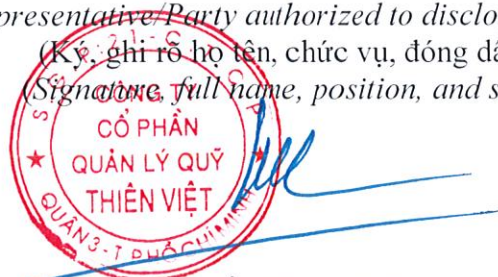
*This information was disclosed on Thien Viet Asset Management Portal on date August 14th, 2026
Available at: <http://tvam.vn>*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We would declare to be fully responsible for the accuracy of the above information.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo tổng kết
hoạt động quản lý quỹ bán niên 2026.
*Attachment: The Semi-annual Fund
Operational Report for 2026.*

Đại diện Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Representative of Thien Viet Asset Management
Người đại diện theo pháp luật/Người được UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng/Chief Accountant

TP.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2026

HCMC, August 14, 2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ
FUND OPERATIONAL REPORT
BẢN NIÊN 2026/ SEMI-ANNUAL 2026

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission of Vietnam ("SSC")
Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Thông tin về quỹ/General information

a) Tên của Quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3 (TVGF3)

Fund name: THIEN VIET GROWTH FUND 3 (TVGF3)

b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ: Tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng chiến lược đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, tiềm năng tăng trưởng tốt, và đang được định giá hợp lý so với bình quân thị trường. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình của thị trường với mức rủi ro có thể chấp nhận được

The Fund's Investment Objective: To achieve asset value appreciation through a primary investment strategy focused on stocks of Vietnamese enterprises with sustainable core businesses, strong growth potential, and reasonable valuations compared to the market average. The Fund aims to develop a diversified and balanced investment portfolio to achieve above-average market returns with an acceptable level of risk.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ: 05 năm. Giấy chứng nhận số 35/GCN-UBCK ngày 16/08/2021 do Chủ tịch UBCKNN cấp.

The operation duration of the Fund: 5 years, according to Establishment registration certificate No. 35/GCN-UBCK issued by the SSC on 16th August 2021.

d) Danh mục tham chiếu/ Benchmark portfolio: không có/none

e) Chính sách phân chia lợi nhuận: mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ, dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban Đại diện quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Profit distribution policy: The profit distribution must be in accordance with the profit distribution policy as stipulated in the Fund's Charter, based on the proposal of the Fund Management Company, with approval of the Board of Fund Representatives and the annual General Meeting of Investors.

f) Số lượng đơn vị quỹ tại ngày 30/06/2026/ Total number of Fund units as of 30th June 2026:
19.900.800 CCQ/ 19.900.800 Fund certificates.

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ vui lòng xem tại đây/ The changes in the Fund's Charter, please refer via the following link: <https://www.tvam.vn>

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: vui lòng xem tại đây <http://www.tvam.vn/>
The content of the Investors General Meeting's resolution during the reporting period: please refer via the following link: <http://www.tvam.vn>

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán./ The supervisory bank's opinion about the contents specified in the Circular guiding the operation and management of securities investment funds.

Xem chi tiết tại mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát./ Please refer to the details in Section 4. Report on the supervisory activities of the supervisory bank.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ/ Report on the Fund's performance

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất cụ thể:/ Information on the Fund's investment portfolio and NAV as of June 30 for the last 3 years:

- Danh mục đầu tư của Quỹ/ The Fund's investment portfolio:

Cơ cấu tài sản quỹ/ Asset allocation	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Danh mục đầu tư/ Investment portfolio	98,24%	94,17%	97,29%
- Cổ phiếu niêm yết/ Listed stocks	98,24%	92,35%	97,29%
- Quyền mua chứng khoán/ Rights to buy shares	-	1,82%	-
Tiền gửi/ Cash	1,02%	5,13%	1,63%
Các tài sản khác/ Other assets	0,74%	0,70%	1,08%
Cộng/ Total	100,00%	100,00%	100,00%

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ; số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong năm/ The Fund's NAV, NAV per fund unit; number of fund certificates in circulation, highest/lowest NAV of a fund unit during the year

Chỉ tiêu/ Items	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ/ NAV of the Fund	255.353.423.085	218.677.165.449	220.244.408.309
2. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/ NAV per fund unit	12.831	10.988	11.067
3. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành/ Total outstanding Fund Units	19.900.800	19.900.800	19.900.800
4. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong năm/ Highest NAV per fund unit in the reporting period	13.535	11.037	12.944
5. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong năm/ Lowest NAV per fund unit in the reporting period	12.470	9.002	11.067
6. Giá cuối ngày của một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo/ Closing price of a fund unit at the reporting date	15.600	16.800	13.500
7. Giá cuối ngày cao nhất của một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo/ Highest closing price of a fund unit during the reporting period	16.500	16.800	14.500
8. Giá cuối ngày thấp nhất của một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo/ Lowest closing price of a fund unit during the reporting period	14.700	16.800	13.500

- Tổng lợi nhuận của quỹ: nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập);/ *The total profit of the Fund: specifying the profits from the growth in securities prices (capital gains) and the profits derived from securities income (dividends, coupon, deposit interest...) (income value);*

Chỉ tiêu (VND)/ <i>Items (VND)</i>	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
1. Lợi nhuận (thoái lãi) từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)/ <i>Income from the growth in securities prices (capital gains)</i>	(8.099.026.065)	12.578.924.382	3.873.517.953
2. Lợi nhuận thu được từ cổ tức chứng khoán/ <i>Dividends</i>	3.750.500.000	1.066.000.000	1.832.000.000
3. Lãi trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi được nhận/ <i>Income from bond interest, deposit interest</i>	-	-	293.835.616
4. Lợi nhuận thu được từ lãi tiền gửi/ <i>Interest income from deposits</i>	7.735.428	8.333.989	9.887.814
5. Lợi nhuận thu được từ kinh doanh chứng khoán/ <i>(Loss)Gain from securities trading</i>	30.629.609.502	(15.548.224.919)	(790.282.608)
6. Tổng chi phí/ <i>Total expenses</i>	(2.008.972.258)	(1.529.955.293)	(1.920.985.874)
7. (Lỗ)/Hoàn nhập lỗ do đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán/ <i>(Loss)/reversal of loss from revaluation of investments</i>	(17.848.205.437)	14.057.188.037	(3.879.903.797)
Tổng lợi nhuận (lỗ) của Quỹ/ <i>Net (loss) profit for the year</i>	6.431.641.170	10.632.266.196	(581.930.896)

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận;/ *Distributed profit per fund units (net and gross value) in the reporting period, including in cases of payment in cash or fund units; Profit distribution time; NAV per fund unit before and after profit distribution time.*

Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Lợi nhuận đã phân phối trên một Chứng chỉ quỹ (giá trị thuần)/ <i>Net distributed earning per fund certificate</i>	Chưa thực hiện/Not applicable	Chưa thực hiện/Not applicable	971
Lợi nhuận đã phân phối trên một Chứng chỉ quỹ (giá trị gộp)/ <i>Gross distributed earning per fund certificate</i>	Chưa thực hiện/Not applicable	Chưa thực hiện/Not applicable	1.000
Thời điểm phân chia lợi nhuận/ <i>Profit distribution time</i>	Chưa thực hiện/Not applicable	Chưa thực hiện/Not applicable	16/05/2024
Giá trị tài sản ròng/CCQ trước khi chia lợi nhuận/ <i>NAV per fund certificate before profit distribution time</i>			12.258
Giá trị tài sản ròng/CCQ sau khi chia lợi nhuận/ <i>NAV per fund certificate after profit distribution time</i>			11.750

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối năm tài chính);/ *Fund operating expenses ratio and explanation of fund operating expenses difference;*

Chỉ tiêu/ <i>Item</i>	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%) / <i>Fund operating expenses ratio (%)</i>	0,77%	0,74%	0,79%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối năm tài chính);/ *Investment portfolio turnover and explanation of differences in portfolio turnover rate;*

Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Tốc độ vòng quay danh mục (%) / <i>Investment portfolio turnover (%)</i>	57	48	64

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: không có/ *Information of debts, deferred payment items of securities investment company (if any), repo/reverse repo transactions: none.*

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ: Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:/ *Profit indicators of the Fund: Annual total average profit of the Fund generated during the reporting period if determined as follows:*

Tính tới ngày lập báo năm/ <i>Up to the reporting date</i>	Tổng lợi nhuận (lỗ) bình quân (VND)/ <i>Total average profit (loss) (VND)</i>
i) 1 năm/ <i>1 year</i>	36.676.257.636
ii) 3 năm/ <i>3 years</i>	17.653.090.537
iii) 5 năm/ <i>5 years (*)</i>	25.415.407.695

(*) Ngày thành lập quỹ/ *Date of the Fund's establishment:* 16/08/2021.

(i) Trong thời hạn 12 tháng (01 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm); hoặc/ *Within 12 months (1 year), up to the reporting date (or from the fund establishment date to the reporting date if the fund has been operating less than 1 year); or*

(ii) Trong thời hạn 36 tháng (03 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm); hoặc/ *Within 36 months (3 years), up to the reporting date (or from the fund establishment date to the reporting date if the fund has been operating less than 3 years); or*

(iii) Trong thời hạn 60 tháng (05 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 05 năm);/ *Within 60 months (5 years), up to the reporting date (or from the fund establishment date to the reporting date if the fund has been operating less than 5 years);*

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:/ *Other comparison indicators, complying with the principles*

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ./ *Methods, principles of determining asset value, profit value are consistent, publicized and verified by an independent organization: Principles of determining NAV are detailed in the Fund's Charter and valuation handbook.*

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập./ *Data provided by an independent organization.*

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư./ *The report must clearly state a disclaimer that information on the previous performance of the fund is for reference only and does not guarantee future profitability for investors.*

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ/ *Report on asset management activities of the fund management company*

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:/ *Report on asset management activities of the fund management company must includes:*

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): không có./ *Explanation of changing the fund management company (if any): none.*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ)/ *Explanation of whether the fund has achieved its investment objectives (only required in the Fund's annual report);*

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu./ *Comparing Fund's performance with benchmark index indicated in Prospectus in the same reporting period (by chart): the Fund does not apply a reference portfolio or benchmark index.*

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu./ *Comparing Fund's performance with benchmark index indicated in Prospectus over the past 5 years, as of the reporting date (by chart): the Fund does not apply a reference portfolio or benchmark index.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ./ *Describing the Fund's investment strategy in the period. In case there is a difference in investment strategy between executed in the reporting period and indicated in the Prospectus, the Fund must explain and evaluate the advantages and disadvantages of executed investment strategy:*

Mục tiêu đầu tư của Quỹ: là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng chiến lược đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, tiềm năng tăng trưởng tốt, và đang được định giá hợp lý so với bình quân thị trường. Đối tượng đầu tư chủ yếu là cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán của Việt Nam và đăng ký giao dịch trên UPCoM, doanh nghiệp OTC sắp niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình ở mức rủi ro có thể chấp nhận được tùy thuộc vào tình hình thị trường, Quỹ có thể phân bổ một phần NAV vào tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính Phủ.

The Fund's Investment Objective: To achieve asset value appreciation through a primary investment strategy focused on stocks of Vietnamese enterprises with sustainable core businesses, strong growth potential, and reasonable valuations compared to the market average. The primary investment targets are listed stocks and those registered for trading on the Vietnam Stock Exchange, stocks traded on UPCoM, and OTC enterprises preparing for listing. The Fund aims to develop a diversified and balanced investment portfolio to achieve above-average market returns with an acceptable level of risk, the Fund might allocate a portion of NAV to fixed-income assets such as deposits and government bonds.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo./ *Describing the difference in the Fund's portfolio structure between the reporting period and its previous year:*

Tại thời điểm 30/06/2025 phân bổ tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ tính trên giá trị tài sản bao gồm 94,17% giá trị cổ phiếu; 5,13% giá trị tiền gửi; 0,70% là tài sản khác. Tại thời điểm 30/06/2026, phân bổ tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ tính trên giá trị tài sản bao gồm 98,24% giá trị cổ phiếu; 1,02% giá trị tiền gửi; 0,74% là tài sản khác.

As of 30/06/2025, the Fund's portfolio structure based on asset value includes 94.17% in stocks; 5.13% in deposits; and 0.70% in other assets. As of 30/06/2026, the Fund's portfolio structure based on asset value includes 98.24% in stocks; 1.02% in deposits; and 0.74% in other assets.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

(sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất./ *Analyzing the Fund's performance based on comparing NAV per fund unit (after deducting distributed profits, if any) between the reporting period and the previous period:*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31/12/2025 là 248,92 tỷ đồng tăng lên thành 255,35 tỷ đồng tại ngày 30/06/2026 do biến động thị trường trong kỳ báo cáo.

As of 31/12/2025, the Fund's NAV is VND 248,92 billion, increasing to VND 255,35 billion on 30/06/2026, due to market fluctuations during the reporting period.

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 2,58% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trong khi giá trị danh mục đầu tư của Quỹ tăng 2,81%.

According to the reviewed interim financial statements of the Fund, as at 30/06/2026, its NAV increased by 2.58% as compared with NAV as at 31/12/2025, while its portfolio value increased 2.81%.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)./ *Evaluate the volatility of the markets during the reporting period, including foreign markets in which the fund invests, and provide information on investment returns for each asset class: stocks, blue-chips stocks, small-cap stocks.*

Thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua nhiều biến động trong nửa đầu năm 2026. Bất chấp cú sốc địa chính trị đầu năm, VN-Index vẫn duy trì xu hướng tăng, lập đỉnh lịch sử vào giữa tháng 5 trước khi điều chỉnh nhẹ và đóng cửa tháng 6/2026 tại 1.860,01 điểm, tương ứng mức tăng 4,2% so với đầu năm. Cuối tháng 6, thị trường đang giao dịch ở mức P/E và P/B lần lượt đạt khoảng 14,0 lần và 2,1 lần.

The Vietnamese stock market experienced significant volatility during the first half of 2026. Despite the geopolitical shock at the beginning of the year, the VN-Index maintained its upward trend, reaching a record high in mid-May before undergoing a slight correction and closing June 2026 at 1,860.01 points, representing an increase of 4.2% compared to the beginning of the year. As of the end of June, the market was trading at approximately 14.0x P/E and 2.1x P/B.

Về thanh khoản, giá trị giao dịch bình quân trên sàn HoSE đạt 26.700 tỷ đồng/phiên, tăng hơn 38% so với cùng kỳ, tuy nhiên thanh khoản có xu hướng thu hẹp dần về cuối quý II, chỉ còn khoảng 18.400 tỷ đồng/phiên trong tháng 6, cho thấy tâm lý thận trọng và dòng tiền có xu hướng đứng ngoài quan sát trước các yếu tố vĩ mô và địa chính trị.

In terms of liquidity, the average trading value on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HoSE) reached VND 26.7 trillion per trading session, an increase of more than 38% compared to the same period last year. However, liquidity gradually declined towards the end of the second quarter, falling to approximately VND 18.4 trillion per session in June, reflecting cautious investor sentiment and a tendency for capital to remain on the sidelines amid macroeconomic and geopolitical uncertainties.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh với giá trị 79.800 tỷ đồng trong 6 tháng, gấp đôi so với cùng kỳ năm trước, tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu vốn hóa lớn như FPT, VHM và VIC. Dù vậy, lực cầu từ dòng tiền nội địa đã hấp thụ phần lớn áp lực bán ròng này, giúp thị trường duy trì được đà tăng trong bối cảnh nhiều thách thức.

Foreign investors continued to record substantial net selling of VND 79.8 trillion during the six-month period, more than double the amount recorded in the same period of the previous year. Net selling was concentrated primarily in large-cap stocks such as FPT, VHM and VIC. Nevertheless, strong domestic investor demand absorbed most of the foreign selling pressure, enabling the market to maintain its upward momentum despite numerous challenges.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không phát sinh./ *Information on the split or consolidation of fund units in the period (if any); influence of the split or consolidation fund units and NAV per fund unit (before and after the split): none.*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ: không phát sinh/ *Any cases that affect the investor's rights: none*

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư số 07082025/TVGF3-NQ-ĐHNĐT của Quỹ (thông qua việc không phải chào mua công khai), Công ty Cổ phần Finsight (ủy thác cho TVAM đứng tên sở hữu chứng chỉ quỹ) nhận chuyển nhượng tổng cộng 5.900.000 chứng chỉ quỹ từ Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam (ủy thác cho TVAM đứng tên sở hữu chứng chỉ quỹ) theo phương thức giao dịch phân bổ tài sản quy định tại Điều 18.2 Thông tư số

99/2020/TT-BTC. Trong kỳ báo cáo, Công ty Cổ phần Finsight đã nhận chuyển nhượng 1.225.000 chứng chỉ quỹ vào ngày 09/03/2026 và 800.000 chứng chỉ quỹ vào ngày 06/04/2026 (giao dịch 2.800.000 chứng chỉ quỹ ngày 02/12/2025 đã phát sinh trong kỳ trước). Sau ngày kết thúc kỳ báo cáo, vào ngày 06/08/2026, Công ty Cổ phần Finsight đã nhận chuyển nhượng 1.075.000 chứng chỉ quỹ còn lại, nâng tỷ lệ sở hữu lên 29,65%; Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam không còn là nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ trở lên. Công ty Cổ phần Finsight là người có liên quan của người nội bộ TVAM (bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị TVAM, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Finsight).

Information on transactions with related parties (if any): Pursuant to Resolution of the General Meeting of Investors No. 07082025/TVGF3-NQ-ĐHNĐT of the Fund (approving the exemption from a public tender offer), Finsight JSC (of which TVAM is entrusted to hold ownership) received the transfer of 5,900,000 fund certificates in total from Finhay Vietnam JSC (of which TVAM is entrusted to hold ownership) through an asset allocation transaction under Article 18.2 of Circular No. 99/2020/TT-BTC. During the reporting period, Finsight JSC received transfers of 1,225,000 fund certificates on 09 March 2026 and 800,000 fund certificates on 06 April 2026 (the transfer of 2,800,000 fund certificates on 02 December 2025 occurred in the previous period). After the end of the reporting period, on 06 August 2026, Finsight JSC received the transfer of the remaining 1,075,000 fund certificates, increasing its ownership to 29.65%; Finhay Vietnam JSC ceased to be an investor holding 5% or more of the fund certificates. Finsight JSC is an affiliated person of an internal person of TVAM (Ms. Nguyen Thanh Thao - Chairwoman of the Board of Directors of TVAM and concurrently Chairwoman of the Board of Directors of Finsight JSC).

m) Các thông tin khác (nếu có)./ Other information (if any).

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát/ Report on the Supervisory activities of the Supervisory Bank

Chúng tôi, Ngân hàng Giám sát Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

We are the Supervisory Bank of Thien Viet Growth Fund 3 for for the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026. As we acquire knowledge, during the period Thien Viet Growth Fund 3 has operated and be controlled as below:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ đóng, Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.

The custody of Fund's asset was in line with prevailing securities regulations on close-ended fund, Charter, Prospectus of the Fund and other relevant legal documents.

- b) Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ đóng, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Thien Viet Asset Management JSC complied with investment limits in according with the securities law on close-ended fund, Prospectus of the Fund and other relevant legal documents.

- c) Việc định giá, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Net asset value caculation and valuation of Thien Viet Growth Fund 3 were executed in compliance with Charter of Fund, Prospectus of the Fund and other relevant legal documents.

- d) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ: trong kỳ Quỹ không thực hiện phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

The subscription and redemption of fund certificates: During the period, the Fund does not issue or redeem fund certificates for Investors.

- e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

During the reporting period, no profit distribution was recorded.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ *Authorization activity report*

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

Fund Management Company must prepare a report of evaluating services quality provide by other organizations (authorized party), such as transfer agent, fund administration, NAV valuation... with following contents:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ./ *The fees payable to the authorized party compared to profit, income, total operating expenses of the Fund:*

Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	Tỷ lệ so với lợi nhuận (lỗ) <i>Compared to profit (loss)</i>	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động <i>Compared to operating expenses</i>	Tỷ lệ so với thu nhập <i>Compared to income</i>
Giá dịch vụ Quản lý Quỹ/ <i>Fund management fee</i>	20,26%	64,72%	15,4%

- b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản): không áp dụng/ *Property registration (incase of real estate securities investment company): not applicable*

- c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không áp dụng./ *Other influences (if any) of authorization activity on the Fund's profit, risk level: none*

- d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):/ *Total authorization expenses paid to authorized party (in case the authorized party provides many services for Fund management company):*

Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	Số tiền (VND)/ <i>Amount (VND)</i>
Giá dịch vụ Quản lý Quỹ/ <i>Fund management fee</i>	1.300.138.014

đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư./ *Evaluating of the authorized party's ability to maintain internal control system, risk management, technical infrastructure, hot backup system, disaster backup system..., to ensure that the authorization activities are carried out smoothly and do not affect the investment activities of the investors.*

Trong kỳ báo cáo, các đơn vị ủy quyền đã duy trì đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, an ninh hệ thống bảo mật, quy trình nghiệp vụ, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nhân sự có uy tín kinh nghiệm và trình độ chuyên môn để thực hiện các hoạt động ủy quyền. Theo đánh giá của TVAM các đơn vị ủy quyền đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp, có hệ thống phần mềm tiêu chuẩn, các phòng bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập.. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật... của các bên nhận ủy quyền cho quỹ TVGF3 được bảo đảm thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư cũng như Công ty quản lý quỹ.

During the reporting period, the authorized party maintained adequate facilities, technical solutions, system security, operational procedures, internal control systems, risk management, and experienced personnel with professional expertise to perform the delegated activities. According to TVAM's assessment, the authorized entities are reputable and experienced in the market, with a highly qualified and professional workforce, standardized software systems, and independently operating functional departments. Therefore, the ability of the authorized entities to maintain internal control, risk

management, security, and technical infrastructure for the TVGF3 Fund is ensured without disrupting investment activities for investors or the fund management company.

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hiện đang là Ngân hàng Giám sát được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ như: (i) giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện; (ii) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ; và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng lưu ký.

Joint Stock Commercial for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch is currently the Custodian Bank, appointed by the Investors' General Meeting in accordance with the Fund's Charter and Vietnamese law. It is responsible for: (i) supervising all asset management activities of the Fund carried out by the Fund Management Company; (ii) safekeeping and custody of securities, documents certifying the Fund's legal ownership of assets, economic contracts, and other relevant records; and (iii) other services authorized by the Fund Management Company under the terms of the Custody Agreement.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt đối với Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3 (TVGF3).

The above contents are the semi-annual Fund Management Summary Report for 2026 of Thien Viet Asset Management Joint Stock Company for the Thien Viet Growth Fund 3 (TVGF3).

**GIÁM ĐỐC QUẢN LÝ QUỸ
FUND MANAGEMENT DIRECTOR**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT
THIEN VIET ASSET MANAGEMENT JSC**



NGUYỄN DUY QUANG